

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Công ty đại chúng:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Báo cáo năm 2014

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
- Tên tiếng Anh: AGIMEXPHARM PHARMACEUTICAL JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: AGIMEXPHARM.
- Trụ sở chính: 27, Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- Điện thoại: (076) 3856961 - 3856964 Fax: (076) 3857301
- Website: www.agimexpharm.com
- Vốn điều lệ đăng ký: 39.599.400.000 đồng.
- Vốn thực góp của cổ đông: 39.599.400.000 đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở KH&ĐT Tỉnh An Giang cấp ngày 03 tháng 06 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 số 1600699279 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 02 tháng 8 năm 2013.
- Mã số thuế: 1600699279.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Dược phẩm An Giang, được thành lập theo Quyết định số 52/QĐ.UB ngày 10/06/1981 của UBND tỉnh An Giang. Từ đó đến nay, Công ty đã có những bước tiến đáng kể trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Dưới đây là những cột mốc chính trong quá trình phát triển của Công ty:

- Năm 1992, Công ty chuyển thành doanh nghiệp Nhà nước với tên đầy đủ là “Xí nghiệp liên hiệp Dược An Giang”, tên viết tắt là ANGIPHARMA.
- Cuối năm 1996, Công ty Dược phẩm An Giang chính thức được thành lập theo Quyết định số 82/QĐ.UB ngày 07/12/1996 của UBND Tỉnh An Giang trên cơ sở sáp nhập Công ty Dược và Vật tư Y tế An Giang vào Xí nghiệp Dược phẩm An Giang.

- Năm 2003, Công ty đã thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2778/QĐ.UB ngày 29/12/2003 của UBND Tỉnh An Giang.
- Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000020 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 03 tháng 06 năm 2004, với vốn điều lệ là 6.776.900.000 đồng.
- Tháng 12/2007, Công ty đã phát hành thêm 1.522.310 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 22.000.000.000 đồng.
- Tháng 05/2008, Công ty chính thức ký Hợp đồng hợp tác liên doanh với cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm, đồng thời đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm.
- Tháng 10/2012, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu), vốn điều lệ tăng lên thành 26.399.600.000 đồng.
- Tháng 11/2014, Công ty đã phát hành cổ phiếu ra công chúng, vốn điều lệ tăng lên thành 39.599.400.000 đồng.

3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện.
- Mua bán thuốc; dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng; mỹ phẩm; bán nguyên phụ liệu; hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm; vacxin; sinh phẩm y tế; tinh dầu từ thảo dược; thuốc, hóa dược và dược liệu.
- Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng; thức ăn gia súc; mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh, tinh dầu từ thảo dược; nước uống đóng bình và đóng chai.
- In ấn bao bì; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Hoạt động hợp tác kinh doanh dịch vụ đại lý chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán, đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3.2. Địa bàn kinh doanh:

Đồng Bằng Sông Cửu Long, TP. Hồ Chí Minh, một số tỉnh miền Trung, miền Bắc.

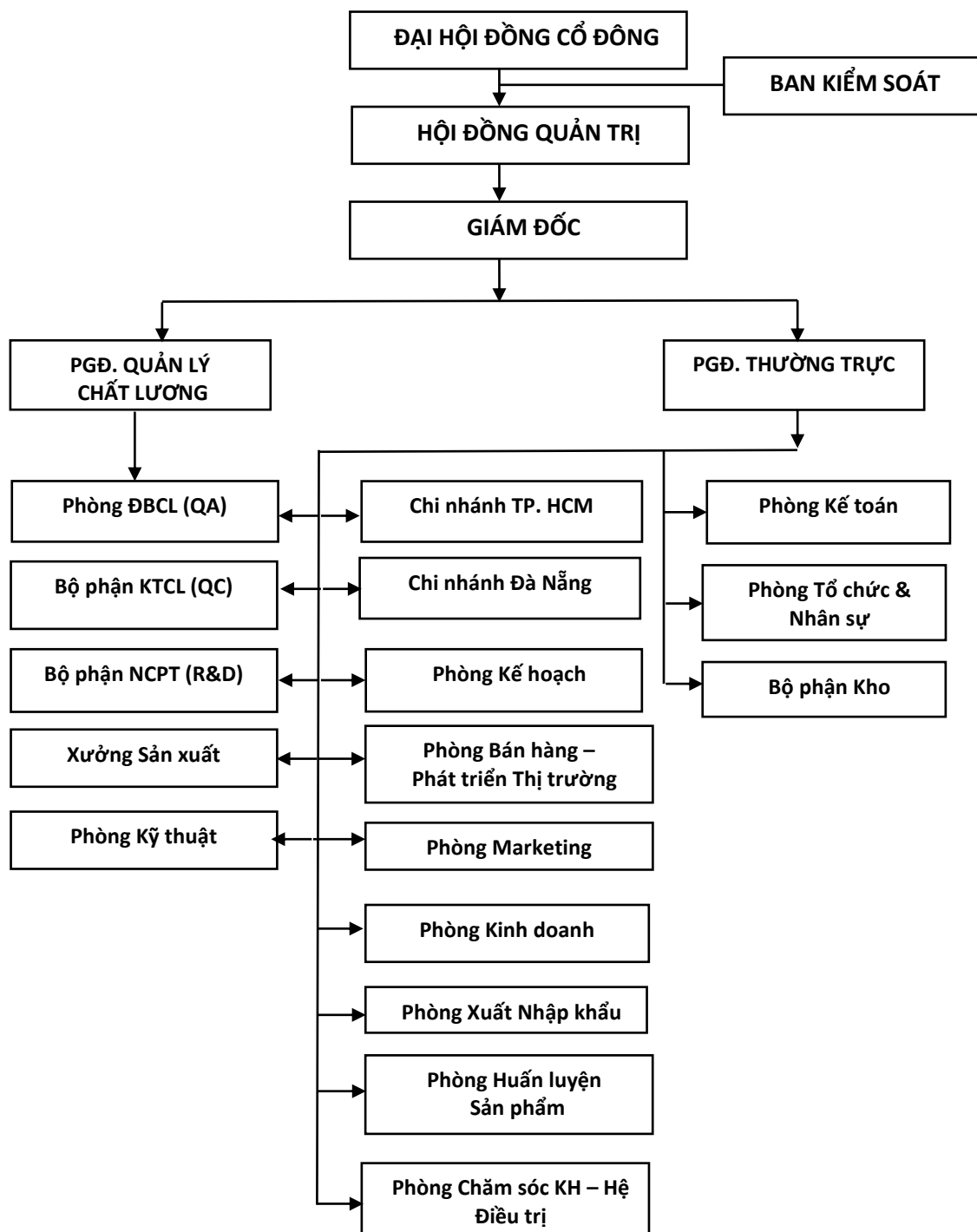
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh, và bộ máy quản lý:

4.1. Tổ chức kinh doanh:

- **Văn phòng công ty:** 27 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang.
- **Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Agimexpharm** – Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm: tại số 66, Vũ Trọng Phụng, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, An Giang.
- **Chi Nhánh TP. Hồ Chí Minh:** tại số 24, đường số 3, Cư Xá Bình Thới, P8, Quận 11, TP. HCM.

- **Chi Nhánh TP Đà Nẵng:** tại lô 3 khu B2-3, đường 30/4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4.2. Cơ cấu tổ chức



5. Định hướng phát triển:

5.1. Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Phát triển ổn định, đảm bảo thu nhập cho cán bộ, nhân viên và cổ tức cho cổ đông.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tiếp tục khai thác hệ điều trị ETC, và mở rộng mạng lưới OTC. Tìm kiếm đối tác chiến lược để phát triển hệ thống phân phối. Phát triển sản phẩm khai thác hiệu quả dây chuyền sản xuất Kem-

mỡ-nước và Viên-Cốm-Bột. Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Quản lý tiền và hàng hóa chặt chẽ. Bổ sung nguồn nhân lực giỏi đáp ứng nhu cầu phát triển.

5.3. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội, và cộng đồng:

Công ty luôn chú trọng trách nhiệm bảo vệ môi trường, đóng góp cho cộng đồng thông qua chương trình đền ơn, đáp nghĩa, tài trợ giáo dục, y tế.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về luật pháp:

Ngành Dược là một trong những ngành chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước vì liên quan đến sức khỏe của người dân. Hiện tại, Luật Dược là văn bản pháp lý quy định các hoạt động của ngành Dược được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005. Điều này một phần đã tạo môi trường pháp lý tương đối ổn định. Bên cạnh đó, các quy định pháp luật khác như Luật Doanh nghiệp, các Luật Thuế, Luật Đất đai, Luật Thương mại, Pháp lệnh Giá... cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.2. Rủi ro về nguyên liệu

Hiện tại, khoảng 90% nguyên vật liệu nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, Ấn Độ, Singapore. Ngoài ra, từ các nước từ Châu Âu như Tây Ban Nha, Hà Lan, Thụy Sĩ... Chủ yếu là nguyên liệu kháng sinh và vitamin, chiếm trên 80% giá trị nhập khẩu. Do ảnh hưởng của lạm phát, giá cả của phần lớn các nguyên vật liệu đều tăng. Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng trên 40% trong cơ cấu giá thành sản phẩm nên sự thay đổi giá của nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty.

6.3. Rủi ro về giá bán sản phẩm

Sản xuất, kinh doanh dược phẩm là một trong những lĩnh vực được Nhà nước quản lý giá chặt chẽ. Do đó, trong trường hợp giá cả đầu vào thay đổi bất lợi nhưng giá bán sản phẩm của Công ty không thay đổi kịp thời sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

II. TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

1. Tổ chức và nhân sự:

1.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban điều hành, và Ban kiểm soát:

* Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Nguyễn Văn Kha	Chủ tịch HĐQT	1953	021606144
2	Nguyễn Thị Nam Hóa	Phó Chủ tịch HĐQT	1954	351674155
3	Trần Thị Đào	Thành viên HĐQT	1952	340580662
4	Phạm Uyên Nguyên	Thành viên HĐQT	1968	022017374
5	Nguyễn Quốc Định	Thành viên HĐQT	1962	340246886
6	Phạm Thị Bích Thủy	Thành viên HĐQT	1969	350875600
7	Trương Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT	1966	351624054

* Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Nguyễn Văn Kha	Giám Đốc	1953	021606144
2	Nguyễn Thị Nam Hóa	Phó Giám Đốc	1954	351674155
3	Phạm Thị Bích Thủy	Phó Giám Đốc	1969	350875600
1	Lê Thái Minh Trang	Kế Toán Trưởng	1982	351387364

* Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng Ban Kiểm Soát	1977	025026183
2	Nguyễn Văn Hoàng	Kiểm soát viên	1967	340675866
3	Hồ Thanh Phong	Kiểm soát viên	1978	351203496

1.2. Tóm tắt lý lịch:

ÔNG NGUYỄN VĂN KHA - Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh : 16/05/1953
- CMND : 021606144 cấp ngày 29/07/2003 tại CA TP.HCM.
- Nơi sinh: An Giang Quê quán : An Giang
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 390 Đường Tên Lửa, Q. Bình Tân, TP.HCM.
- Số ĐT liên lạc : 076. 3 856 960
- Trình độ học vấn : Đại học Trình độ chuyên môn : Dược sĩ
- Quá trình công tác:
 - Từ 1973 – 1979: Học Đại học Dược khoa Sài Gòn
 - Từ 1980 – 1981: Công tác tại Khoa dược Đại học Y dược TP.HCM
 - Từ 1982 – 1994: Công tác tại Xí nghiệp Dược phẩm An Giang
 - Từ 1995 – 2001: Giám đốc Công ty TNHH Dược phẩm Lam Sơn TP.HCM
 - Từ 2002 – 2004: T.V. BKS Công ty Dược phẩm 3/2 TP.HCM
 - Từ 2005 – 2007: Phó Giám đốc CTY CP DP Agimexpharm – Thành viên HĐQT
 - Từ 2007 – 2012: Chủ tịch HĐQT, kiêm Phó Giám đốc CTY CP DP Agimexpharm
 - Từ 2013 – nay: Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc CTY CP DP Agimexpharm
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2014): 54.158 cổ phần (1,37%).

BÀ NGUYỄN THỊ NAM HÓA – Phó Chủ tịch HĐQT, kiêm Phó Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh : 22/02/1954
- CMND : 351674155 cấp ngày 27/07/2001 tại CA tỉnh An Giang
- Nơi sinh: An Giang Quê quán : An Giang
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 23/2B Trần Hưng Đạo, Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang
- Số ĐT liên lạc : 076.3 856 961
- Trình độ học vấn : Đại học Trình độ chuyên môn : Dược sĩ
- Quá trình công tác:

- Từ 1979 – 1983: Học Đại học Y Dược TP.HCM
 - Từ 3/1984 – 4/1987:
 - + Công tác tại phòng Kỹ thuật – Nghiên cứu
 - + Quản đốc phân xưởng thuốc Tiêm nước thuộc Xí nghiệp LHợp Dược An Giang
 - Từ 4/1987 – 12/1989:
 - + Quản đốc phân xưởng thuốc viên
 - + Phó quản đốc phân xưởng Nghiên cứu – Sản xuất thuốc Xí nghiệp Liên hợp Dược An Giang
 - + Quản đốc phân xưởng thuốc viên
 - Từ 12/1989 – 12/1996: Phó Giám đốc Xí nghiệp Liên Hợp Dược An Giang
 - Từ 12/1996 – 12/2003: Phó Giám đốc Công ty Dược phẩm An Giang
 - Từ 12/2003 – 6/2004: Giám đốc Công ty Dược phẩm An Giang
 - Từ 6/2004 – 7/2007: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTY CP DP Agimexpharm
 - Từ 7/2007 – 6/2013: Giám đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT CTY CP DP Agimexpharm
 - Từ 6/2013 – nay: Phó Giám đốc thường trực kiêm Phó Chủ tịch HĐQT CTY CP DP Agimexpharm
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc thường trực kiêm Phó Chủ tịch HĐQT.
 - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
 - Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2014): 53.031 cổ phần (1,34%).

BÀ TRẦN THỊ ĐÀO – Thành viên HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 01/05/1952
- CMND : 340580662 cấp ngày 31/12/2003 tại Công an tỉnh Đồng Tháp
- Nơi sinh: Đồng Tháp Quê quán : Hồng ngự, Đồng Tháp
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 05 Trương Định, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp
- Số ĐT liên lạc : 067 3 851 620
- Trình độ học vấn : Đại học Trình độ chuyên môn: Dược sĩ
- Quá trình công tác:
 - Từ 1967 – 1974: Phó Ban lãnh đạo xưởng Dược, Bí thư Chi bộ Ban dân y khu VIII
 - Từ 1974 – 1977: Học Bổ túc Văn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh
 - Từ 1977 – 1980: Học chuyên tu Đại học Dược Thành phố Hồ Chí Minh
 - Từ 1980 – 1983: Phó phòng Nghiệp vụ Dược – Sở Y tế Đồng Tháp
 - Từ 1983 – 1984: Học Nga văn ở Trường Quản lý Y tế Thành phố Hồ Chí Minh
 - Từ 1984 – 1998: Giám đốc Công ty Dược Đồng Tháp

- Từ 1999 – 2000: Giám đốc Công ty Dược phẩm Trung Ương 7
 - Từ 2001 – 2004: Giám đốc Công ty CP Dược phẩm Imexpharm
 - Từ 2005 – nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Dược phẩm Imexpharm
 - Từ 2008 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT
 - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - * Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Công ty CPDP Imexpharm
 - * Thành viên HĐQT, Công ty CP Dược S.Pharm
 - * Phó Chủ tịch Hiệp Hội Doanh Nghiệp Dược Việt Nam
 - * Thành viên HĐQT, Công ty CP Dược Dapharco
 - Số cổ phần nắm giữ (31/12/2014):
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%).
 - Đại diện (Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm): 1.346.098 cổ phần (33,99%).

ÔNG PHẠM UYÊN NGUYỄN – Thành viên HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 08/06/1968
- CMND : 022017374 cấp ngày 25/11/2003 tại Công an TP.HCM
- Nơi sinh: TPHCM Quê quán : Quảng Nam
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 19D Thạch Thị Thanh, Q.1, TP.HCM
- Trình độ học vấn: Đại học Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD
- Quá trình công tác:
 - Từ 1988 – 1991: Phóng viên tập sự báo Tuổi Trẻ TP.HCM
 - Từ 1991 – 1994: Cán bộ nghiên cứu Viện kinh tế TP.HCM
 - Từ 1994 – 1997: Du học Singapore thạc sĩ QTKD chuyên ngành tài chính ngân hàng.
 - Từ 1997 – 2000: Phó trưởng ban Thẩm định Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM
 - Từ 2000 – 2003: Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt chi nhánh TP.HCM
 - Từ 2003 – 2007: Giám đốc điều hành kiêm trưởng văn phòng đại diện Công ty Vina Capital Investment Management Ltd.
 - Từ 2007 – 2012: Tổng giám đốc Công ty CP Quản lý Quỹ hợp lực Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - * Thành viên HĐQT, Công ty CP Văn Hóa Phương Nam
 - * Thành viên HĐQT, Công ty CP Thế kỷ 21

- Số cổ phần nắm giữ (31/12/2014): 512.255 cổ phần (12,94%)

ÔNG NGUYỄN QUỐC ĐỊNH – Thành viên HĐQT

- Ngày tháng năm sinh: 20/06/1962
- CMND : 340246886 cấp ngày 12/12/2012 tại Công an tỉnh Đồng Tháp
- Nơi sinh: Đồng Tháp Quê quán: Đồng Tháp
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 97 Hùng Vương, Phường 2, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Số ĐT liên lạc: 067. 3 853578
- Trình độ học vấn: Đại học Trình độ chuyên môn: Tài chính – Kế Toán
- Quá trình công tác:
 - Từ 1979 – 1984: Học Đại học Tài Chính Kế Toán – Cơ sở 2 TP. Hồ Chí Minh
 - Từ 1985 – 1991: Chuyên viên Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp
 - Từ 1992 – 1995: Phó phòng Tài Chính Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp
 - Từ 1995 – 1999: Trưởng phòng Nghiệp vụ I Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại Doanh nghiệp tỉnh Đồng Tháp
 - Từ 1999 – 2000: Phó Giám đốc Công ty Dược phẩm Trung Ương 7
 - Từ 2001 – 2004: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
 - Từ 2005 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - * Chủ tịch HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Dược phẩm Imexpharm
- Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2014): 0 cổ phần.

BÀ PHẠM THỊ BÍCH THỦY – Thành viên HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 31/01/1969
- CMND : 350875600 cấp ngày 27/07/2001 tại CA tỉnh An Giang
- Nơi sinh: Hải Phòng Quê quán : An Giang
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 620/16 Bùi Văn Danh, Đông Xuyên, TP. Long Xuyên, An Giang
- Số ĐT liên lạc : 0913 661 955
- Trình độ học vấn : Đại học Trình độ chuyên môn : Dược sĩ
- Quá trình công tác:
 - Từ 1989 – 1994: Học Đại học Y dược TPHCM
 - Từ 1995 – 1997: KSV tổ Pha chế xưởng dược Công ty DP An Giang

- Từ 1997 – 2001: Tổ phó tổ Pha chế Công ty Dược phẩm An Giang
- Từ 2001 – 2004: Phó Quản đốc Công ty Dược phẩm An Giang
- Từ 2004 – 2006: Thành viên HĐQT, Quản đốc xưởng dược Công ty CP DP An Giang
- Từ 2006 – 2008: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP DP An Giang
- Từ 2008 – 2012: Học Dược sĩ chuyên khoa 1, Trường Đại học Y dược TP.HCM
- Từ 2008 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP DP Agimexpharm
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2014): 69.608 cổ phần (1,76%).

BÀ TRƯƠNG THỊ KIM LOAN – Thành viên HĐQT

- Ngày tháng năm sinh: 10/08/1966
- CMND : 351624054 cấp ngày 18/07/2013 tại CA tỉnh An Giang
- Nơi sinh: Hải Phòng Quê quán : An Giang
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 19A Thủ Khoa Nghĩa, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang
- Số ĐT liên lạc : 0913 952 323
- Trình độ học vấn : Đại học Trình độ chuyên môn : Dược sĩ
- Quá trình công tác:
 - Từ 1986 – 1991: Học Đại học Y dược TPHCM
 - Từ 1991 – 1997: Chuyên viên tổ Pha chế xưởng dược Công ty DP An Giang
 - Từ 1998 – 2003: Trình dược Hãng Pierre Fabre
 - Từ 2004 – 2005: Trình dược Hãng Bayer Schering
 - Từ 2006 – 2009: Trình dược Hãng MSD
 - Từ 2009 – 2011: Trình dược Hãng Astrazeneca
 - Từ T10/2011 – nay: Trưởng phòng Chăm sóc khách hàng hệ điều trị, Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
 - Từ T9/2013 – nay: Trưởng phòng Kinh doanh kiêm Trưởng phòng CSKH hệ điều trị Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, kiêm Giám Đốc Kinh Doanh.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2014): 46.400 cổ phần (1,17%).

BÀ TRẦN THỊ THANH HẰNG – Trưởng Ban Kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh : 03/11/1977
- CMND: 025026183 cấp ngày 20/10/2008 tại Công an TP.HCM

- Nơi sinh: Tiền Giang Quê quán: Tiền Giang
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 168/34H, Đường D2, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc : 0903 600 838
- Trình độ học vấn: Đại học Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Vận tải biển
- Quá trình công tác:
 - Từ 1995 – 2000: Học Đại học Hàng Hải
 - Từ 2001 – 2003: Thạc sĩ Kinh tế vận tải biển Trường Đại học Hàng Hải
 - Từ 2000 – 2007: Giảng viên Khoa Kinh tế Vận tải biển Trường ĐH GTVT TP.HCM
 - Từ 2004 – nay: Giảng viên bán cơ hữu dạy Môn Thị trường chứng khoán Khoa Quản trị Kinh doanh Trường ĐH Kỹ thuật Công nghệ TP.HCM
 - Từ 2004 – 2006: Giám đốc Công ty CP Phát Phát TP.HCM
 - Từ 2007 – 2010: Giám đốc Công ty CP Hồng Ngân TP.HCM
 - Từ 2009 – 2013: Cử nhân Luật Trường Đại học luật TP.HCM
 - Từ 2010 – nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư & Đào tạo Doanh Chủ TP.HCM
 - Từ 2007 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP DP Agimexpharm
 - Từ 2010 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - * Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Đào tạo Doanh Chủ.
 - * Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Kỹ Nghệ Đô Thành.
- Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2014): 6.100 cổ phần (0,15%).

ÔNG NGUYỄN VĂN HOÀNG – Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh: 09/08/1967
- CMND: 340675866 cấp ngày 22/02/2002 tại Công an tỉnh Đồng Tháp.
- Nơi sinh: Đồng Tháp Quê quán : Đồng Tháp
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 703, Quốc lộ 30, Ấp 1, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Số ĐT liên lạc: 067. 3876 359
- Trình độ học vấn : Đại học Trình độ chuyên môn : Tài Chính – Kế Toán
- Quá trình công tác:
 - Từ 1993 – 1998: Học Đại học Tài Chính Kế Toán TP.HCM
 - Từ 1990 – 1995: Chuyên viên Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp

- Từ 1995 – 1999: Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ I Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại Doanh nghiệp tỉnh Đồng Tháp
 - Từ 1999 – 2001: Chuyên viên Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
 - Từ 2001 – nay: Phó Ban Kiểm toán nội bộ Công ty CP DP Imexpharm
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát
 - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - * Phó Ban Kiểm toán nội bộ Công ty CP Dược phẩm Imexpharm
 - Số cổ phiếu nắm giữ (đến 31/12/2014): 1.500 cổ phần (0,04%)

ÔNG HỒ THANH PHONG – Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh : 06/10/1978
- CMND : 351203496 cấp ngày 27/07/2001 tại Công an tỉnh An Giang
- Nơi sinh: An Giang Quê quán : An Giang
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 3A4 Tú Xương, khóm Bình Thới 2, P. BK, TP. Long Xuyên, AG
- Số ĐT liên lạc : 0938 673 126
- Trình độ học vấn : Đại học Trình độ chuyên môn : Dược sĩ
- Quá trình công tác:
 - Từ 1996 – 1999: Học Trường THPT An Giang
 - Từ 1999 – 2007: Nhân viên Công ty Dược phẩm An Giang
 - Từ 2007 – 2011: Học Trường Đại học Y Dược TP.HCM
 - Từ 2011 – nay: Tổ trưởng ĐG1, xưởng sản xuất Công ty CP DP Agimexpharm
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát
- Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2014): 2.809 cổ phần (0,07%).

BÀ LÊ THÁI MINH TRANG – Kế toán trưởng

- Ngày tháng năm sinh : 06/08/1982
- CMND : 351387364 cấp ngày 18/10/2010 tại Công an tỉnh An Giang
- Nơi sinh: An Giang Quê quán : An Giang
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 9X3, Nguyễn Hữu Thọ, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, An Giang
- Số ĐT liên lạc : 0763 856964
- Trình độ học vấn : Đại học Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ngành Kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ 1997 – 2000: Học Trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu

- Từ 2000 – 2004: Học Đại học DL Văn Lang
 - Từ 2005 – 2008: Kế toán tổng hợp, Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
 - Năm 2008: Học Kỹ năng quản lý dành cho quản lý cấp trung và người mới được bổ nhiệm do VCCI đào tạo
 - Từ 2008 – 2010: Phó phòng Kế toán Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
 - Năm 2009: Học Bồi dưỡng kế toán trưởng do Trường ĐH mở TP.HCM đào tạo
 - Từ 2010 – 2012: Trưởng phòng Kế toán Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
 - Từ 2012 – nay: Kế toán trưởng Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
 - Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2014): 5.005 cổ phần (0,13%).

2. Cơ cấu cổ đông:

Vốn cổ phần của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2014 là **39.599.400.000** đồng (Ba mươi chín tỷ, năm trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm ngàn đồng), được chia thành 3.959.940 cổ phần với mệnh giá 10.000đ/cổ phần. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty trở lên, cổ đông sáng lập, cơ cấu cổ đông được thể hiện như sau:

2.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ GDKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Số 4, Đường 30/4, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	1400384433 Sở KHĐT Đồng Tháp, 25/3/2009	1.346.098	33,99%
2	Phạm Uyên Nguyên	Số 19D, Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM	022017374 CA TP.HCM 25/11/2003	512.255	12,94%
3	Lê Quang Việt	Số 23, Đ. Tắc Thầy Cai, Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, ĐT	341517990 11/12/2013 Đồng Tháp	237.600	6,00%

2.2. Cơ cấu cổ đông:

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty có 331 cổ đông và cơ cấu sở hữu cổ phần của Công ty được thể hiện trong bảng dưới đây.

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nhà nước	0	0	0,00%
2	Trong Công ty			
	- HĐQT(*)	5	735.452	18,57%
	- Ban Giám đốc(**)	0	0	0%

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
	- Ban kiểm soát	3	10.409	0,26%
	- Kế Toán Trưởng	1	5.005	0,13%
	- CBCNV(***)	106	500.441	12,64%
3	Ngoài Công ty			
	- Trong nước	216	2.708.633	68,40%
	- Nước ngoài	0	0	0%
	Tổng cộng	331	3.959.940	100%

Ghi chú: (*) Không bao gồm Kế toán trưởng.

(**) Không bao gồm cổ đông là thành viên HĐQT.

(***) Cổ Đông là CBCNV không bao gồm các cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014:

1.1 Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2014: tăng so với năm 2013 và vượt kế hoạch.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2014	TH2014/TH2013	TH2014/KH2014
Tổng doanh thu	253,3	343,1	296	135,41%	115,9%
+ Hàng hoá mua ngoài	95,3	124,5	96	130,01%	129,12%
+ Hàng Cty sản xuất	158,0	218,6	200	138,76%	109,55%
Lợi nhuận trước thuế	15,4	23,9	18,8	156,21%	127,21%
Cổ tức	15%	17%	15%	113,33%	113,33%

1.2 Hoạt động kinh doanh và phát triển thị trường.

Doanh số hàng điều trị 2014 tăng 42%, OTC tăng 36%. Phát triển thị trường đúng hướng công ty đã đề ra. Trên 130 sản phẩm trúng thầu ở 45 tỉnh thành trọng điểm.

Tập trung vào các sản phẩm đặc trị, sản lượng tiêu thụ tăng so với năm 2013: nhóm tim mạch tăng 44%; hạ lipid máu tăng: 35%; nhóm tuần hoàn não tăng 47%, nhóm kháng sinh tăng 73%, nhóm kháng siêu vi: 76%.

Doanh số chi nhánh HCM tăng 39,57 % so với năm 2013.

Thành lập chi nhánh Đà Nẵng, mở rộng hệ thống phân phối miền Trung.

1.3 Kế hoạch, cung ứng:

Kế hoạch sản xuất được lập theo nhu cầu thị trường, cập nhật hàng tháng, hàng quý. Khó khăn về nguồn vốn để dự trữ nguyên liệu cho 200 sản phẩm. Vì tiêu chí sản xuất chất lượng cao, chúng tôi đã rất cố gắng tìm nguồn nguyên liệu chất lượng từ: Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Ấn Độ, Trung Quốc, ... thông qua những nhà nhập khẩu hàng đầu VN: Sapharco, IMP, DMC, DHG, Yteco...

1.4 Hoạt động sản xuất và hệ thống quản lý chất lượng:

* Hoạt động sản xuất:

Mặt hàng	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Thực hiện 2014/2013
Thuốc viên nang	Viên	51.597.344	70.565.000	136,76%
Thuốc viên nén	Viên	196.797.000	293.194.400	148,98%
Thuốc nước	Chai	692.753	730.250	105,41%
Kem	tuýp	25.000	122.250	489,00%
Thuốc gói (Hỗn dịch)	Gói	0	1.458.000	
Dung dịch thuốc	Lít	32.510	37.180	114,36%

Sản lượng các nhóm thuốc đều tăng so với năm 2013, nhưng số lượng CBNV không đổi; đẩy mạnh tự động hóa, đầu tư trang thiết bị để tăng năng suất.

Tiếp tục tập trung vào sản phẩm chiến lược, nhóm hàng đặc trị theo yêu cầu thị trường và khai thác tốt hơn dây chuyền kem-mỡ-nước.

*** Hoạt động quản lý chất lượng:**

Hoạt động kiểm tra chất lượng nguyên liệu, thành phẩm; kiểm soát quá trình; theo dõi độ ổn định được duy trì thường xuyên và đáp ứng kịp thời.

Năm 2014, có 76 sản phẩm được đăng ký lại, 15 sản phẩm đăng ký mới, cùng với 08 mỹ phẩm và 04 thực phẩm chức năng.

Nhân viên luôn được đào tạo, nâng cao nghiệp vụ về quản lý chất lượng.

Năm 2014, công ty đã đầu tư hơn 5,5 tỷ đồng trang thiết bị tiên tiến: máy sắc ký lỏng (USA), máy vô nang tự động (Korsch) công suất 90.000 viên/giờ, máy dập viên 27 chày 2 lớp (India), tủ sấy... Thực hiện đổi mới kỹ thuật máy móc: cải tạo tủ vi khí hậu, tự chế bộ phận chiết rót dịch lỏng tiết kiệm 14000 USD so với mua mới.

Công tác bảo trì máy móc; an toàn vệ sinh lao động, PCCC được thực hiện nghiêm túc, toàn niên không có sự cố về an toàn lao động.

1.5 Nhân sự:

Tổng số CBNV là 234 người. Năm 2014, chú trọng tuyển chuyển nhân sự, đặc biệt các vị trí quản lý nhằm cải thiện khả năng tổ chức công việc, tăng năng suất và hiệu quả. Luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các lớp đào tạo nâng cao nghiệp vụ.

Chế độ lương bổng, đãi ngộ rất được quan tâm, tập chú xây dựng chính sách thưởng cho nhân viên giỏi có đóng góp tích cực cho công ty.

2. Tình hình tài chính:

2.1 Cơ cấu tài sản – nguồn vốn:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2013	Tỷ trọng	2014	Tỷ trọng
Cơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn	100 060	68,8%	145 367	74,7%
Tài sản dài hạn	45 365	31,2%	49 274	25,3%
Tổng tài sản	145 425	100,0%	194 641	100,0%
Cơ cấu nguồn vốn				
Nợ phải trả	77 695	53,4%	105 206	54,1%
Vốn chủ sở hữu	67 730	46,6%	89 435	45,9%
Tổng nguồn vốn	145 425	100,0%	194 641	100,0%

Tổng tài sản của công ty tăng hơn 49 tỷ chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng 45 tỷ (hàng tồn kho tăng 25.7 tỷ, các khoản phải thu tăng gần 12 tỷ và ký quỹ dự thầu tăng 5.2 tỷ). Do doanh thu tăng và kế hoạch mua nguyên liệu dự trữ để đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh. Tài sản dài hạn tăng chủ yếu do đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất: máy vô nang tự động, máy sắc ký lỏng, máy dập viên 27 chày,...

2.2 Khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu	2013	2014
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,4	1,4
Khả năng thanh toán nhanh	0,9	0,8

2.3 Tỷ số đòn bẩy:

Chỉ tiêu	2013	2014
Nợ phải trả/Tổng tài sản	53,4%	54,1%
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	114,7%	117,6%

2.3. Tỷ suất sinh lợi:

Tỷ suất sinh lợi	2013	2014
Lợi nhuận sau thuế/doanh thu	4,4%	4,8%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7,6%	8,5%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,3%	18,6%
Thu nhập của mỗi cổ phiếu (EPS)	4.179	5.686
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bq	41,8%	56,9%

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Đơn vị tính: tỷ đồng
			KH2015/TH2014
Tổng doanh thu	343,1	379,0	110,50%
+ Hàng hoá mua ngoài	124,5	109,0	87,97%
+ Hàng Cty sản xuất	218,6	270,0	123,23%
Lợi nhuận trước thuế	23,9	27,3	114,23%
Dự kiến cổ tức	17%	17%	100,00%

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát và Kế Toán Trưởng:

Danh sách HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát và Kế Toán Trưởng

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ	Cơ cấu của HĐQT	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Hội đồng quản trị					
1	Nguyễn Văn Kha	Chủ tịch HĐQT	TV.HĐQT điều hành	54.158	1,37
2	Nguyễn Thị Nam Hóa	Phó Chủ tịch HĐQT	TV.HĐQT điều hành	53.031	1,34

3	Trần Thị Đào	Thành viên HĐQT	TV.HĐQT không điều hành	0	0
4	Nguyễn Quốc Định	Thành viên HĐQT	TV.HĐQT không điều hành	0	0
5	Phạm Uyên Nguyên	Thành viên HĐQT	TV.HĐQT không điều hành	512.255	12,94
6	Phạm Thị Bích Thủy	Thành viên HĐQT	TV.HĐQT điều hành	69.608	1,76
7	Trương Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT	TV.HĐQT điều hành	46.400	1,17
Ban điều hành					
1	Nguyễn Văn Kha	Giám Đốc		54.158	1,37
2	Nguyễn Thị Nam Hóa	Phó Giám Đốc		53.031	1,34
3	Phạm Thị Bích Thủy	Phó Giám Đốc		69.608	1,76
4	Lê Thái Minh Trang	Kế toán trưởng		5.005	0,13
Ban Kiểm Soát					
1	Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng BKS		6.100	0,15
2	Hồ Thanh Phong	Thành viên BKS		2.809	0,07
3	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên BKS		1.500	0,04

2. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị:

2.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ds. Nguyễn Văn Kha	Chủ tịch	4/4	100%	
2	Ds. Nguyễn Thị Nam Hóa	Phó Chủ tịch	4/4	100%	
3	Ds. Trần Thị Đào	Thành viên	4/4	100%	
4	MBA. Phạm Uyên Nguyên	Thành viên	4/4	100%	
5	CN. Nguyễn Quốc Định	Thành viên	4/4	100%	
6	Ds. Phạm Thị Bích Thủy	Thành viên	3/4	80%	Bận công tác
7	Ds. Trương Thị Kim Loan	Thành viên	4/4	100%	

2.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc:

Hội đồng quản trị thực hiện hoạt động giám sát Giám đốc thông qua việc báo cáo của Giám đốc trong các cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc báo cáo theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Cử thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào Ban Giám Đốc để kịp thời nắm bắt thông tin, cùng Giám đốc thực hiện việc điều hành Công ty đồng thời giám sát hoạt động của Giám đốc.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT: không

4. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát:

4.1. Về hoạt động của Ban Kiểm Soát:

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế làm việc và Chương trình làm việc của BKS năm 2014. Một số kết quả hoạt động của BKS là:

- Thực hiện giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Giám sát việc tuân thủ các qui định, nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên.
- Giám sát việc thực hiện các mục tiêu mà HĐQT đã đề ra.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
4. Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho cổ đông.
5. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.
6. Giám sát tình hình hoạt động SXKD của công ty.
7. Theo dõi, đánh giá phương hướng & các chương trình hoạt động trong nhiệm kỳ.

Trong năm 2014, đại diện BKS có mặt đầy đủ các kỳ họp của HĐQT để ghi nhận mọi hoạt động của công ty và báo cáo đầy đủ kết quả giám sát trong các kỳ họp.

4.2. Về kết quả giám sát hoạt động:

4.2.1. Kiểm soát báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

a. Kết quả kinh doanh năm 2014:

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2014	Năm 2013	So sánh năm 2014/2013	
		VND	VND	Tuyệt đối	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	345.082.321.106	255.569.283.187	89.513.037.919	135,02
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2.030.741.373	2.303.151.101	(272.409.728)	88,17
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	343.051.579.733	253.266.132.086	89.785.447.647	135,45
4.	Giá vốn hàng bán	223.070.939.825	160.744.968.535	62.325.971.290	138,77
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	119.980.639.908	92.521.163.551	27.459.476.357	129,68
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	550.975.149	511.339.997	39.635.152	107,75
7.	Chi phí tài chính	5.931.569.488	5.431.763.642	499.805.846	109,20
	<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	<i>5.769.942.563</i>	<i>5.199.927.909</i>	<i>570.014.654</i>	<i>110,96</i>
8.	Chi phí bán hàng	77.369.095.578	57.064.811.817	20.304.283.761	135,58
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.750.684.497	15.247.835.853	(1.497.151.356)	90,18
10.	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	23.480.265.494	15.288.092.236	8.192.173.258	153,59
11.	Thu nhập khác	504.234.558	66.299.538	437.935.020	760,54
12.	Chi phí khác	69.704.399	-	69.704.399	-
13.	Lợi nhuận khác	434.530.159	66.299.538	368.230.621	655,40
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.914.795.653	15.354.391.774	8.560.403.879	155,75
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.282.951.081	4.321.871.908	2.961.079.173	168,51
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.631.844.572	11.032.519.866	5.599.324.706	150,75
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.686	4.179	1.506	136,05

NHẬN XÉT:

- **Doanh thu thuần** năm 2014 tăng gần 90 tỷ đồng tương ứng tăng 35,45% so với năm 2013. Trong khi kế hoạch là 296 tỷ đồng cho thấy Doanh thu đã tăng trưởng rất tốt.

- **Giá vốn hàng bán** tăng cao hơn mức tăng của Doanh thu tương ứng tăng hơn 38,77% so với năm ngoái, cho thấy chi phí đầu vào trong sản xuất đang gia tăng. Dẫn đến **Lợi nhuận gộp** của năm 2014 tăng 29,68% thấp hơn mức tăng của doanh thu thuần. Doanh nghiệp cần phân tích sâu hơn Giá vốn hàng bán của loại hàng nào để có cách quản trị chi phí tốt nhất. Tuy vậy, công ty đã kiểm soát tốt các khoản chi phí còn lại nên **lợi nhuận thuần** từ hoạt động kinh doanh đã tăng hơn 53%. Lợi nhuận trước thuế cũng tăng hơn 50% vượt hơn 5 tỷ so với kế hoạch năm 2014 (kế hoạch là 18,8 tỷ). Lợi nhuận sau thuế chiếm tỷ trọng 4,8% so với doanh thu năm 2013 là 4,4%. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế so với lợi nhuận trước thuế chỉ chiếm 69,54%, đồng nghĩa năm nay công ty chịu thuế TNDN lên đến 30,46%, công ty đang sử dụng vượt 8% so với mức thuế suất 22%.

b. Cơ cấu doanh thu:

Chỉ tiêu	Năm 2014	%DT	Năm 2013	%DT	So sánh 2014/2013
Tổng Doanh Thu	344.106.789.440	100,00	253.843.771.621	100,00	135,56
-Doanh thu thuần bán thành phẩm	218.594.594.803	63,53	157.987.255.028	62,24	138,36
-Doanh thu thuần bán hàng hóa	124.456.984.930	36,17	95.278.877.058	37,53	130,62
-Doanh thu tài chính	550.975.149	0,16	511.339.997	0,20	107,75
-Thu nhập khác	504.234.558	0,15	66.299.538	0,03	760,54

NHẬN XÉT:

- Cơ cấu doanh thu năm 2014 không thay đổi nhiều so với năm 2013, trừ Thu nhập khác có tỷ lệ tăng khá cao do xử lý tài sản thừa & thu chênh lệch giá mặt hàng Triprolidine. Doanh thu bán thành phẩm vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất và chủ yếu tương ứng 63,53% so với tổng doanh thu. tăng 38,36% so với năm 2013. Doanh thu bán hàng hóa chiếm tỷ trọng 36,17%, tăng 30,62% so với năm 2013. Tỷ trọng này chứng tỏ Doanh thu tăng chủ yếu nhờ Doanh thu sản xuất.

c. Tình hình thực hiện chi phí

Chỉ tiêu	Năm 2014	%DT	Năm 2013	%DT	So sánh 2014/2013
Tổng Doanh Thu	344.106.789.440	100,00	253.843.771.621	100,00	135,56
Tổng Chi Phí	320.122.289.388	93,05	238.489.379.847	93,95	134,23
Giá vốn hàng bán	23.070.939.825	64,83	160.744.968.535	63,32	138,77
<i>Giá vốn của thành phẩm đã bán</i>	113.741.062.745	33,05	81.394.831.304	32,06	139,74
<i>Giá vốn hàng hóa đã bán</i>	109.329.877.080	31,77	79.350.137.231	31,26	137,78
-Chi phí tài chính	5.931.569.488	1,72	5.431.763.642	2,14	109,20
<i>Lãi tiền vay</i>	5.769.942.563	1,68	5.199.927.909	2,05	110,96
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	72.444.825	0,02	142.509.060	0,06	50,84
<i>Chiết khấu thanh toán</i>	89.182.100	0,03	89.326.673	0,04	99,84
-Chi phí bán hàng	77.369.095.578	22,48	57.064.811.817	22,48	135,58
-Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.750.684.497	4,00	15.247.835.853	6,01	90,18

NHẬN XÉT:

- Tổng chi phí toàn công ty là hơn 320 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 93,05% trên tổng doanh thu. Tỷ trọng này giảm so với năm 2013, cho thấy rõ công ty đã kiểm soát tốt chi phí, giúp gia tăng lợi nhuận.
- Quan sát thêm Bảng cơ cấu Doanh thu, ta thấy tỷ trọng Doanh thu thành phẩm chiếm 63,53%, doanh thu bán hàng hóa chiếm 36,17% so với tổng doanh thu, nhưng tỷ trọng giá vốn hàng hóa

và thành phẩm không lệch nhau nhiều (xoay quanh 31-33%), nên việc tập trung vào sản xuất hàng công ty thì sẽ giúp công ty ngày càng tăng lợi nhuận.

- Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng 22,48% không tăng giảm so với năm 2013 & chi phí này có tốc độ tăng là 35,58% phù hợp với tốc độ tăng trưởng doanh thu, hỗ trợ việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, gia tăng các biện pháp bán hàng để tăng doanh số.
- Ngược lại, chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ chiếm 4% trên doanh thu & giảm so với năm 2013 gần 10%. cho thấy công ty đã kiểm soát tốt chi phí quản lý doanh nghiệp dẫn đến các chỉ tiêu lợi nhuận hoạt động và lợi nhuận trước thuế đều tăng trưởng mạnh so với năm 2013.
- Chi phí tài chính chủ yếu là chi lãi vay tăng 9,2% so với năm ngoái, nhưng tỷ trọng so với doanh thu thì giảm từ 2,1% xuống còn 1,7%.

Nhìn chung, tổng chi phí năm 2014 so với năm 2013 tăng 34%, trong khi mức tăng doanh thu là 35% đây là dấu hiệu tốt.

4.2.2. Kiểm soát báo cáo tài chính:

a. Nhận xét tình hình Tài sản & Nguồn vốn:

TÀI SẢN		Năm 2014	Năm 2013	Chênh lệch	(%)
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	145.366.695.943	100.059.954.230	45.306.741.713	145,28
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	9.342.522.787	8.211.470.076	1.131.052.711	113,77
II.	Các khoản phải thu ngắn hạn	61.245.214.947	49.514.431.035	11.730.783.912	123,69
1.	Phải thu của khách hàng	57.269.160.849	50.335.110.303	6.934.050.546	113,78
2.	Trả trước cho người bán	2.315.706.566	601.764.010	1.713.942.556	384,82
3	Các khoản phải thu khác	4.190.579.602	1.226.901.455	2.963.678.147	341,56
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(2.530.232.070)	(2.649.344.733)	119.112.663	95,50
III.	Hàng tồn kho	61.965.982.520	36.241.367.332	25.724.615.188	170,98
IV.	Tài sản ngắn hạn khác	12.812.975.689	6.092.685.787	6.720.289.902	210,30
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	31.000.000	14.000.000	17.000.000	221,43
	Tài sản ngắn hạn khác	12.781.975.689	6.078.685.787	6.703.289.902	210,28
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	49.274.489.856	45.364.890.092	3.909.599.764	108,62
I.	Tài sản cố định	47.101.046.026	43.178.629.486	3.922.416.540	109,08
1.	Tài sản cố định hữu hình	35.561.042.819	33.081.101.927	2.479.940.892	107,50
2	Tài sản cố định vô hình	11.540.003.207	10.097.527.559	1.442.475.648	114,29
II.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.797.080.000	1.797.080.000	-	100,00
III.	Tài sản dài hạn khác	376.363.830	389.180.606	(12.816.776)	96,71
1	Chi phí trả trước dài hạn	190.420.729	389.180.606	(198.759.877)	48,93
2	Tài sản dài hạn khác	185.943.101	-	185.943.101	
***	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	194.641.185.799	145.424.844.322	49.216.341.477	133,84
NGUỒN VỐN		Năm 2014	Năm 2013	Chênh lệch	(%)
A.	NỢ PHẢI TRẢ	105.205.918.431	77.694.954.119	27.510.964.312	135,41
I.	Nợ ngắn hạn	101.934.718.431	73.867.753.930	28.066.964.501	138,00
1.	Vay và nợ ngắn hạn	58.770.556.110	47.981.772.903	10.788.783.207	122,49
2.	Phải trả người bán	28.569.835.403	14.133.099.878	14.436.735.525	202,15
3.	Người mua trả tiền trước	669.002.244	1.005.124	667.997.120	66,559,18
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.059.081.671	3.242.656.288	(1.183.574.617)	63,50
5.	Phải trả người lao động	431.694.936	1.247.117.038	(815.422.102)	34,62
6.	Chi phí phải trả	6.873.760.764	3.339.146.250	3.534.614.514	205,85

7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.966.232.849	3.585.099.152	(618.866.303)	82,74
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.594.554.454	337.857.297	1.256.697.157	471,96
II.	Nợ dài hạn	3.271.200.000	3.827.200.189	(556.000.189)	85,47
1	Vay và nợ dài hạn	2.047.800.000	2.103.800.189	(56.000.189)	97,34
2	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.223.400.000	1.723.400.000	(500.000.000)	70,99
B.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	89.435.267.368	67.729.890.203	21.705.377.165	132,05
I.	Vốn chủ sở hữu	89.435.267.368	67.729.890.203	21.705.377.165	132,05
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	39.599.400.000	26.399.600.000	13.199.800.000	150,00
2.	Thặng dư vốn cổ phần	19.313.666.700	19.363.666.700	(50.000.000)	99,74
3	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.662.862	4.662.862	-	100,00
4	Quỹ đầu tư phát triển	13.657.163.432	9.405.526.716	4.251.636.716	145,20
5	Quỹ dự phòng tài chính	228.529.802	1.623.914.059	(1.395.384.257)	14,07
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.631.844.572	10.932.519.866	5.699.324.706	152,13
***	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	194.641.185.799	145.424.844.322	49.216.341.477	133,84

NHẬN XÉT:

Tài sản:

- Tổng tài sản vào ngày 31/12/2014 tăng 33% so với thời điểm 31/12/2013 chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng mạnh 45,28%, tài sản dài hạn chỉ tăng 8,62%. Cho thấy có sự dịch chuyển cơ cấu tài sản từ dài hạn sang ngắn hạn phù hợp tình hình hoạt động công ty.
- Hai khoản chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản ngắn hạn là: các khoản phải thu & hàng tồn kho.
- Hai khoản có tỷ lệ tăng cao nhất là: hàng tồn kho tăng do các khoản cầm cố, ký cược tăng...& tài sản ngắn hạn khác tương ứng tăng 70% & 110%. Đây là nguyên nhân khiến tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao hơn trong tổng tài sản ở mức 74% so với mức 68% của năm trước. Tài sản ngắn hạn khác gồm tạm ứng, ký quỹ, cầm cố tiềm ẩn những chi phí chưa quyết toán có thể quyết toán xong thì thực tế lợi nhuận công ty không cao nên cũng cần kiểm soát chi phí này không để ở mức cao. Tóm lại, công ty cần kiểm soát tốt hơn nữa hàng tồn kho vì nó chiếm tỷ trọng cao, nhưng cũng có mức tăng khá cao so với năm 2013.
- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 23% lên 61,2 tỷ đồng. Trong đó phải thu khách hàng tăng gần 7 tỷ đồng và khoản trả trước người bán tăng 1,7 tỷ. Doanh thu bán hàng tăng trưởng là yếu tố tác động lên khoản phải thu khách hàng. Ngoài ra, các yếu tố khác ảnh hưởng là khoản trả trước người bán tăng vì năm nay công ty có đầu tư nhiều mua nguyên vật liệu đầu vào. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 2,5 tỷ đồng (chiếm 4% trong phải thu ngắn hạn).
- Tài sản dài hạn tăng nhẹ 8,62% so với cùng kỳ chiếm 25% tổng tài sản. Trong năm, Công ty đã đầu tư một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ nhu cầu hoạt động.

Nguồn vốn:

- Nợ phải trả tăng 35% lên 105,2 tỷ đồng chiếm 54% trong tổng nguồn vốn, cho thấy đòn bẩy nợ vẫn còn cao, cần cân nhắc hiệu quả khi vay nợ. Trong đó, nợ ngắn hạn tăng 38% cao hơn so với mức tăng doanh thu (35%), thể hiện việc công ty chiếm dụng vốn tốt tức biết khai thác tốt tín dụng trong thanh toán.
- Trong năm 2014 nguồn vốn đầu tư chủ sở hữu tăng 50% so với cùng kỳ 2013 lên 39,59 tỷ đồng là do Công ty có phát hành tăng vốn điều lệ. Quỹ đầu tư phát triển tăng 45,20% lên 13,65 tỷ đồng từ việc phân phối lợi nhuận của năm 2013. Quỹ dự phòng tài chính giảm 85,93% còn 228 triệu đồng là bù đắp các khoản thuế bị truy thu thuế bị phạt và tiền phạt chậm nộp thuế.

Tuy nhiên, qua bảng lưu chuyển tiền tệ, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đang âm hơn 11 tỷ, hoạt động đầu tư đang âm hơn 7 tỷ, từ hoạt động tài chính đang dương hơn 20 tỷ (do tăng vốn), cho thấy dòng tiền công ty đang bị ứ đọng trong công nợ và hàng tồn kho, công ty cần kiểm soát tốt hơn cho phần này.

b. Tình hình đầu tư tài chính:

Năm 2014, Công ty đã nhận được cổ tức của nhiều công ty nhờ mua cổ phần đầu tư. Tổng cổ tức được nhận bằng tiền là: **180.926.500** đồng. Các công ty mà Agimexpharm đang đầu tư gồm:

- Cổ phiếu Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar	20.000.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	187.280.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm OPC	21.300.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm 3/2	1.558.500.000
- Cổ phiếu Công ty CP Y Dược phẩm VN	10.000.000
Cộng vốn đầu tư	1.797.080.000

c. Tình hình phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2013:

Năm 2014, công ty đã phát hành thành công & thu về được số vốn 13.199.800.000 đồng, trong đó phải chi 50 triệu phí tư vấn hồ sơ phát hành.

4.2.3 Kiểm soát sự tuân thủ:

- Sổ sách kế toán cập nhật đầy đủ, rõ ràng, ghi nhận đầy đủ các số liệu về doanh thu, chi phí, theo đúng qui định của công ty và các chuẩn mực kế toán. Các chứng từ thanh toán đầy đủ tính hợp pháp, hợp lý.
- Công nợ, số dư tiền gửi, tiền vay, số liệu tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm.... được theo dõi đầy đủ, chi tiết có đối chiếu và xác nhận.
- Các Báo cáo tài chính năm 2014 được lập đúng biểu mẫu phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành. Số liệu phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2014 đã được thể hiện đầy đủ, kịp thời, rõ ràng, chính xác, trung thực và hợp lý; đã được kiểm toán độc lập.

4.2.4 Kiểm soát hoạt động của HĐQT & BDH :

- HĐQT & BDH công ty luôn tuân thủ theo Điều lệ. Qui chế quản trị và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên. Thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo luật định. Luôn cố gắng hết sức để giúp công ty vượt qua giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng tình hình kinh tế chung.
- HĐQT & BDH công ty đã phối hợp với BKS thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành SXKD theo đúng Luật doanh nghiệp, điều lệ và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Kết quả giám sát cho thấy chưa phát hiện trường hợp sai phạm.
- BKS thống nhất với toàn bộ nội dung đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT được xác định trong Báo cáo tổng kết của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2014 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2015.
- BDH luôn bám sát việc chỉ đạo và điều hành các hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng, tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực... đáp ứng theo yêu cầu thực hiện các chương trình mục tiêu và các định hướng chiến lược đã được HĐQT công ty xác định.

4.3. Đánh giá và kiến nghị:

BKS nhất trí với Báo cáo tổng kết của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2014. Năm 2014, hoạt động của công ty tuân thủ theo Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHCĐ và các qui định của pháp luật. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 là lãi. HĐQT & BGD công ty đã làm việc có hiệu quả cao & luôn đưa ra chiến lược đúng đắn, bám sát thị trường. Do đó, BKS có một vài kiến nghị như sau:

- Tiếp tục đánh giá độ phủ thị trường sản phẩm để chọn mặt hàng trọng điểm của AGP trong từng thời kỳ & có chiến lược hợp lý nhất, với giá vốn tốt nhất.
- Công ty cần xây dựng mức tồn kho nguyên liệu và thành phẩm hợp lý giảm thiểu rủi ro và nguyên liệu quá hạn hay hàng chậm luân chuyển, giảm việc vốn lưu động bị chiếm dụng không hiệu quả.
- Công ty cần kiểm soát chặt chẽ công nợ, định kỳ đánh giá xác định tuổi nợ để có giải pháp thu hồi công nợ.
- Ban giám đốc nghiên cứu khai thác sử dụng quỹ phát triển khoa học & công nghệ trong việc đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới, nâng cấp quản trị doanh nghiệp bằng công nghệ thông tin để tăng năng suất.

5. Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban Kiểm Soát:

Theo nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2012 ngày 24/05/2013, thù lao HĐQT và Ban Kiểm Soát cố định là 360.000.000 đ/năm, thưởng 10% giá trị vượt kế hoạch.

6. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Văn Kha		33.439	1,267	54.158	1,368	
2	Nguyễn Thị Nam Hóa		33.354	1,263	53.031	1,339	
3	Phạm Thị Bích Thủy		44.739	1,695	69.608	1,758	
4	Phạm Uyên Nguyên		339.837	12,873	512.255	12,936	
5	Trương Thị Kim Loan		36.033	1,365	46.400	1,172	
6	Trần Thị Thanh Hằng		2.400	0,09	6.100	0,154	
7	Hồ Thanh Phong		1.309	0,050	2.809	0,071	
8	Lê Thái Minh Trang		1.670	0,063	5.005	0,126	
9	Cty CP DP Imexpharm	Tổ chức liên quan	682.599	25,856	1.346.098	33,993	
10	Trần Thanh Tòng	Chồng Kế Toán Trưởng	1.200	0,045	3.100	0,078	

V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

Sao Viet Auditing Company Limited

386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax: (84-8) 3526 1359 * Email: svc-hcm@vnn.vn

Số: 26 /2015/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc**
Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm ("Công ty") được lập ngày 02 tháng 02 năm 2015, từ trang 7 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

292/33/33 Bình Lợi, P.13 Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax: (84-8) 3553 3732
Email: saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

137 Trần Hưng Đạo, P.An Phú, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Tel: (0710) 3765 999 * Fax: (0710) 3765 766
Email: svc-ct@vnn.vn

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Nhơn, Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2013-107-1
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Cần Thơ, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Phạm Đông Sơn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1052-2013-107-1



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số : B 01 - DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		145.366.695.943	100.059.954.230
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	9.342.522.787	8.211.470.076
1. Tiền	111		9.342.522.787	8.211.470.076
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.2	61.245.214.947	49.514.431.035
1. Phải thu khách hàng	131		57.269.160.849	50.335.110.303
2. Trả trước cho người bán	132		2.315.706.566	601.764.010
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		4.190.579.602	1.226.901.455
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.530.232.070)	(2.649.344.733)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		61.965.982.520	36.241.367.332
1. Hàng tồn kho	141	V.3	61.965.982.520	36.241.367.332
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.4	12.812.975.689	6.092.685.787
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		31.000.000	14.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		12.781.975.689	6.078.685.787
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.274.489.856	45.364.890.092
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		47.101.046.026	43.178.629.486
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	35.561.042.819	33.081.101.927
- Nguyên giá	222		56.940.207.563	51.244.937.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.379.164.744)	(18.163.835.708)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	11.540.003.207	10.097.527.559
- Nguyên giá	228		11.760.164.376	10.162.280.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(220.161.169)	(64.753.285)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.7	1.797.080.000	1.797.080.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.797.080.000	1.797.080.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260	V.8	376.363.830	389.180.606
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		190.420.729	389.180.606
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		185.943.101	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		194.641.185.799	145.424.844.322

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

7

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số : B 01 - DN

		Đơn vị tính: VND		
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		105.205.918.431	77.694.954.119
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		101.934.718.431	73.867.753.930
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	58.770.556.110	47.981.772.903
2. Phải trả người bán	312	V.10	28.569.835.403	14.133.099.878
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	669.002.244	1.005.124
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	2.059.081.671	3.242.656.288
5. Phải trả người lao động	315		431.694.936	1.247.117.038
6. Chi phí phải trả	316	V.12	6.873.760.764	3.339.146.250
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	2.966.232.849	3.585.099.152
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.594.554.454	337.857.297
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		3.271.200.000	3.827.200.189
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.9	2.047.800.000	2.103.800.189
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.223.400.000	1.723.400.000
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		89.435.267.368	67.729.890.203
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	V.14	89.435.267.368	67.729.890.203
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		39.599.400.000	26.399.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.313.666.700	19.363.666.700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		4.662.862	4.662.862
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.657.163.432	9.405.526.716
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		228.529.802	1.623.914.059
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.631.844.572	10.932.519.866
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		194.641.185.799	145.424.844.322

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

8

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số : B 01 - DN

<u>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</u>	<i>Thuyết minh</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		40.615.668	40.615.668
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Dương Ánh Ngọc
Người lập

Lê Thái Minh Trang
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kha
Giám đốc
Long Xuyên, ngày 02 tháng 02 năm 2015

001-
H
Y
BUH
YAN
IET
P.C

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Mẫu số : B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		345.082.321.106	255.569.283.187
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.030.741.373	2.303.151.101
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	343.051.579.733	253.266.132.086
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	223.070.939.825	160.744.968.535
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	119.980.639.908	92.521.163.551
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	550.975.149	511.339.997
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.931.569.488	5.431.763.642
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.769.942.563	5.199.927.909
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	77.369.095.578	57.064.811.817
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	13.750.684.497	15.247.835.853
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.480.265.494	15.288.092.236
11. Thu nhập khác	31	VI.7	504.234.558	66.299.538
12. Chi phí khác	32		69.704.399	-
13. Lợi nhuận khác	40		434.530.159	66.299.538
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.8	23.914.795.653	15.354.391.774
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	7.282.951.081	4.321.871.908
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.8	16.631.844.572	11.032.519.866
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		5.686	4.179



Dương Ánh Ngọc
Người lập



Lê Thái Minh Trang
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kha
Giám đốc
Long Xuyên, ngày 02 tháng 02 năm 2015


CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Mẫu số : B 03 - DN


(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	196.029.828.010	101.288.703.361
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(110.171.228.248)	(78.488.226.172)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(22.079.532.255)	(17.517.713.965)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5.691.186.209)	(5.278.115.037)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(8.823.274.588)	(4.161.823.587)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	20.974.451.672	56.623.471.759
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(81.997.703.485)	(52.368.030.073)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.758.645.103)	98.266.286
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(7.693.615.284)	(425.396.536)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	20.830.304	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	364.190.276	392.561.906
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.308.594.704)	(32.834.630)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	13.199.800.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	135.978.456.250	83.161.539.169
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(125.245.673.232)	(79.389.212.291)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.734.290.500)	(2.169.809.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.198.292.518	1.602.517.878
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.131.052.711	1.667.949.534
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.211.470.076	6.543.520.542
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.342.522.787	8.211.470.076


 Dương Anh Ngọc
 Người lập


 Lê Thái Minh Trang
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Kha
 Giám đốc
 Long Xuyên, ngày 02 tháng 02 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600699279 đăng ký lần đầu ngày 03/06/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 02/08/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 26.399.600.000, trong đó:

Cổ đông	Tổng số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	316.800	3.168.000.000	12,00%
- Các cổ đông khác	2.323.160	23.231.600.000	88,00%
Cộng	2.639.960	26.399.600.000	100,00%

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 là 39.599.400.000, trong đó:

Cổ đông	Tổng số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	1.346.098	13.460.980.000	33,99%
- Phạm Uyên Nguyên	512.255	5.122.550.000	12,94%
- Các cổ đông khác	2.101.587	21.015.870.000	53,07%
Cộng	3.959.940	39.599.400.000	100,00%

2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 27, đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm đặt tại số 24, đường số 3, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm – Nhà máy Sản xuất Dược phẩm Agimexpharm đặt tại đường Vũ Trọng Phụng, Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm đặt tại lô 3 khu B2-3, đường 30/4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện;
- Mua bán thuốc, dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm dinh dưỡng;

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

12

5775
HI NH
CÔNG
KHIE
SIEM
SAO
KIEU

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm;
- Mua bán vacxin và sinh phẩm y tế;
- Mua bán tinh dầu từ thảo dược;
- Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Mua bán thức ăn gia súc;
- Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động);
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất thức ăn gia súc;
- Mua bán thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- In ấn bao bì;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất tinh dầu từ thảo dược;
- Hoạt động hợp tác kinh doanh dịch vụ đại lý giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán, đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014 bao gồm các hoạt động sau:

- Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện;
- Mua bán thuốc, dược phẩm;
- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm;
- Mua bán tinh dầu từ thảo dược;
- Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động);
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Mua bán thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài Chính.

001
H
TY
HUU
DAN
TET
P.C

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3. Chính sách kế toán đối với nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu: các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở lên được phân loại là Tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ kế toán 2014, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm 2014, không có khoản chi phí đi vay nào cần được vốn hóa.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Năm 2014, Công ty trích quỹ tiền lương căn cứ vào hợp đồng lao động, việc trả lương căn cứ vào hợp đồng lao động.

10. Nguyên tắc ghi nhận quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2014, Công ty không trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Năm 2014, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế từ kết quả kinh doanh năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp.

13. Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trù thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Do chuyển đổi hình thức sở hữu từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần, Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

57750
HI-NHÀ
CÔNG
H-NHIỆM
KIỂM T
SAO
KIEU

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%, được áp dụng trong 10 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với hoạt động sản xuất thuốc tân dược;
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 22%, đối với hoạt động mua bán thuốc tân dược và kinh doanh khác;
- Năm 2014 là năm cuối cùng Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% đối với hoạt động sản xuất thuốc tân dược.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2014, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

14. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.495.695.191 (a)	1.506.190.977
Tiền gửi ngân hàng	7.846.827.596 (b)	6.705.279.099
Cộng	<u>9.342.522.787</u>	<u>8.211.470.076</u>

(a) Chi tiết số dư tiền mặt tại ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Tiền mặt tại Văn phòng Công ty	1.327.346.159
- Tiền mặt tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	168.349.032
Cộng	<u>1.495.695.191</u>

(b) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2014 như sau:

Ngân hàng	<u>Số tiền</u>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tân Bình – Phòng Giao dịch Lữ Gia	3.771.752.730
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	3.187.849.227
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh An Giang	728.488.185
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh	114.010.607
- Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh An Giang	44.726.846
Cộng	<u>7.846.827.596</u>

001-C
H
T
Y
D
U
C
P
H
U
C
D
A
N
M
I
E
T
P.
C

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	57.269.160.849 (c)	50.335.110.303
Trả trước cho người bán	2.315.706.566 (d)	601.764.010
Các khoản phải thu khác	4.190.579.602 (e)	1.226.901.455
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(2.530.232.070) (c)</u>	<u>(2.649.344.733)</u>
Cộng	<u>61.245.214.947</u>	<u>49.514.431.035</u>

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2014 như sau:

Khách hàng	<u>Số tiền</u>	<u>Dự phòng nợ khó đòi</u>
- Các khách hàng của Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	36.734.880.991	1.924.280.290
- Các khách hàng của Chi nhánh Đà Nẵng	187.479.486	-
- Các khách hàng thuộc khối bệnh viện	4.105.259.888	3.022.233
- Các khách hàng thuộc khối công ty dược ngoài tỉnh	2.045.761.606	62.901.269
- Các khách hàng thuộc khối công ty TNHH	294.175.828	31.740.113
- Các khách hàng thuộc khối công ty Thành phố	407.068.030	-
- Các khách hàng thuộc các khối khác	<u>13.494.535.020</u>	<u>508.288.165</u>
Cộng	<u>57.269.160.849</u>	<u>2.530.232.070</u>

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2014 như sau:

Người bán	<u>Số tiền</u>	<u>Dự phòng nợ khó đòi</u>
- Trả trước cho người bán của Văn phòng Công ty	1.336.706.566	-
- Trả trước cho người bán của Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	<u>979.000.000</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>2.315.706.566</u>	<u>-</u>

(e) Chi tiết số dư phải thu khác tại ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>	<u>Dự phòng nợ khó đòi</u>
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	106.646.926	-
- Thuế thu nhập cá nhân	1.290.381.491	-
- Tạm ứng chi phí tiếp thị	<u>2.793.551.185</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>4.190.579.602</u>	<u>-</u>

3. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	31.357.162.968 (f)	19.676.920.858
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.584.262.187 (g)	1.735.050.632
Thành phẩm tồn kho	16.773.169.068 (h)	9.690.575.527
Hàng hóa tồn kho	7.857.997.817 (i)	5.138.820.315
Hàng gửi đi bán	<u>393.390.481 (j)</u>	<u>-</u>
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>61.965.982.520</u>	<u>36.241.367.332</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

18

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(f) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại ngày 31/12/2014 như sau:

Nguyên liệu, vật liệu	Số tiền
- Nguyên vật liệu chính	25.769.256.291
- Vật liệu phụ	5.587.906.677
Cộng	<u>31.357.162.968</u>

(g) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2014 như sau:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	Số tiền
- Hoá chất	4.833.066.100
- Phụ liệu	751.196.087
Cộng	<u>5.584.262.187</u>

(h) Đây chủ yếu là thuốc tồn kho các loại.

(i) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho tại ngày 31/12/2014 như sau:

Hàng hóa	Số tiền
- Văn phòng Công ty	122.299.583
- Nhà thuốc số 1	117.450.024
- Nhà thuốc số 2	80.074.677
- Nhà thuốc số 3	90.770.295
- Nhà thuốc số 4	17.540.868
- Nhà thuốc số 6	137.831.899
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	6.145.862.365
- Chi nhánh Đà Nẵng	1.146.168.106
Cộng	<u>7.857.997.817</u>

(j) Đây là hàng gửi đi bán của Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	31.000.000	14.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	12.781.975.689 (k)	6.078.685.787
Cộng	<u>12.812.975.689</u>	<u>6.092.685.787</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(k) Chi tiết số dư tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Số tiền
- Tạm ứng	2.741.501.175
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.040.474.514
Cộng	12.781.975.689

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	51.244.937.635	5.851.979.019	156.709.091	56.940.207.563
- Nhà cửa, vật kiến trúc	27.136.928.686	-	-	27.136.928.686
- Máy móc, thiết bị	21.739.585.761	5.513.079.019	-	27.252.664.780
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.872.949.944	303.000.000	156.709.091	2.019.240.853
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	495.473.244	35.900.000	-	531.373.244
Hao mòn lũy kế	18.163.835.708	3.305.436.760	90.107.724	21.379.164.744
- Nhà cửa, vật kiến trúc	6.886.146.452	1.066.929.432	-	7.953.075.884
- Máy móc, thiết bị	9.563.995.031	2.028.537.529	-	11.592.532.560
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.477.586.881	157.097.547	90.107.724	1.544.576.704
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	236.107.344	52.872.252	-	288.979.586
Giá trị còn lại	33.081.101.927			35.561.042.819
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20.250.782.234			19.183.852.802
- Máy móc, thiết bị	12.175.590.730			15.660.132.220
- PT vận tải, TB truyền dẫn	395.363.063			474.664.149
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	259.365.900			242.393.648

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2014 như sau:

	Số tiền
- Máy vô nang AF – 90T	3.308.448.000
- Máy sắc ký lỏng U – 3000	926.661.818
- Máy dập viên (xoay tròn) 27 chày	794.806.292
- Xe ô tô 15 chỗ	303.000.000
- Tủ sấy chân không VD 23 P/N 9030 – 0029	200.000.000
- Các TSCĐ khác	319.062.909
Cộng	5.851.979.019

Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2014 như sau:

	Số tiền
- Nhượng bán xe ô tô Toyota 12 chỗ 53M – 0338	156.709.091
Cộng	156.709.091
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 23.738.015.741	
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.661.605.479	
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có	
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có	
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có	

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

20

575C
 HI NH
 CÔNG
 KH
 KIỂM
 SAO
 KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

<i>Loại tài sản</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Nguyên giá	10.162.280.844	1.597.883.532	-	11.760.164.376
- Quyền sử dụng đất	8.608.202.000	1.597.883.532	-	10.206.085.532
- Phần mềm kế toán	1.554.078.844	-	-	1.554.078.844
Hao mòn lũy kế	64.753.285	155.407.884	-	220.161.169
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Phần mềm kế toán	64.753.285	155.407.884	-	220.161.169
Giá trị còn lại	10.097.527.559			11.540.003.207
- Quyền sử dụng đất	8.608.202.000			10.206.085.532
- Phần mềm kế toán	1.489.325.559			1.333.917.675

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số lượng cổ phần</i>	<i>Kết quả đầu tư năm 2014</i>
- Cổ phiếu Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar	20.000.000	-	-	20.000.000	4.356	10.835.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	187.280.000	-	-	187.280.000	28.749	28.749.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm OPC	21.300.000	-	-	21.300.000	6.142	6.142.500
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm 3/2	1.558.500.000	-	-	1.558.500.000	79.500	127.200.000
- Cổ phiếu Công ty CP Y Dược phẩm Việt Nam	10.000.000	-	-	10.000.000	200	8.000.000
Cộng	1.797.080.000	-	-	1.797.080.000	-	180.926.500

8. Tài sản dài hạn khác

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí trả trước dài hạn	190.420.729 (l)	389.180.606
Tài sản dài hạn khác	185.943.101 (m)	-
Cộng	376.363.830	389.180.606

(l) Đây là giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

(m) Đây là số tiền ký quỹ hợp tác kinh doanh với Nhà thuốc Nhật Hùng.

9. Vay và nợ ngắn hạn, vay và nợ dài hạn

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay và nợ ngắn hạn	58.770.556.110 (n)	47.981.772.903
Vay và nợ dài hạn	2.047.800.000 (o)	2.103.800.189
Cộng	60.818.356.110	50.085.573.092

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

21

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(n) Chi tiết số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Vay cá nhân	16.637.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN An Giang	36.812.252.037
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh An Giang	5.321.304.073
Cộng	<u>58.770.556.110</u>

(o) Chi tiết số dư vay dài hạn tại ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh An Giang	1.830.300.000
- Quỹ hỗ trợ Xã hội hóa tỉnh An Giang	217.500.000
Cộng	<u>2.047.800.000</u>

10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	28.569.835.403 (p)	14.133.099.878
Người mua trả tiền trước	669.002.244 (q)	1.005.124
Cộng	<u>29.238.837.647</u>	<u>14.134.105.002</u>

(p) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2014 như sau:

Người bán	<u>Số tiền</u>
- Phải trả người bán tại Văn phòng Công ty	27.879.324.735
- Phải trả người bán tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	690.510.668
Cộng	<u>28.569.835.403</u>

(q) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2014 như sau:

Khách hàng	<u>Số tiền</u>
- Người mua trả tiền trước của Văn phòng Công ty	552.255.346
- Người mua trả tiền trước của Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	116.746.898
Cộng	<u>669.002.244</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	9.036.254	611.603.088
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.719.897.932	2.228.881.348
- Thuế thu nhập cá nhân	330.147.485	402.171.852
Cộng	<u>2.059.081.671</u>	<u>3.242.656.288</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay	78.756.354	70.771.532
- Chi phí cho cộng tác viên	212.970.639	1.351.800.239
- Chi phí chăm sóc khách hàng	6.498.908.759	1.529.207.562
- Chi phí chiết khấu	83.125.012	387.366.917
Cộng	<u>6.873.760.764</u>	<u>3.339.146.250</u>

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.966.232.849 (r)	3.585.099.152
Cộng	<u>2.966.232.849</u>	<u>3.585.099.152</u>

(r) Chi tiết số dư các khoản phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Kinh phí công đoàn	167.285.317
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000.000
- Cổ tức phải trả	2.597.389.929
- Bệnh viện đa khoa huyện Thới Bình	1.197.603
- Hứa Thị Loan	360.000
Cộng	<u>2.966.232.849</u>

14. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.399.600.000	-	-	26.399.600.000
- Thặng dư vốn cổ phần	19.363.666.700	-	-	19.363.666.700
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.662.862	-	-	4.662.862
- Quỹ đầu tư phát triển	7.941.867.667	1.463.659.049	-	9.405.526.716
- Quỹ dự phòng tài chính	1.279.739.323	344.174.736	-	1.623.914.059
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.133.494.730	11.032.519.866	6.233.494.730	10.932.519.866
Cộng	<u>61.123.031.282</u>	<u>12.840.353.651</u>	<u>6.233.494.730</u>	<u>67.729.890.203</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

23

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.399.600.000	13.199.800.000	-	39.599.400.000
- Thặng dư vốn cổ phần	19.363.666.700	-	50.000.000	19.313.666.700
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.662.862	-	-	4.662.862
- Quỹ đầu tư phát triển	9.405.526.716	4.251.636.716	-	13.657.163.432
- Quỹ dự phòng tài chính	1.623.914.059	551.625.993	1.947.010.250	228.529.802
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.932.519.866	16.631.844.572	10.932.519.866	16.631.844.572
Cộng	67.729.890.203	34.634.907.281	12.929.530.116	89.435.267.368

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng là do:

- Các cổ đông góp vốn cổ phần	<u>Số tiền</u>
	<u>13.199.800.000</u>
Cộng	<u>13.199.800.000</u>

Thặng dư vốn cổ phần giảm là do:

- Chi tiền thuê tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần theo phương thức chào bán ra công chúng	<u>Số tiền</u>
	50.000.000
Cộng	<u>50.000.000</u>

Quỹ đầu tư phát triển tăng là do:

- Trích lập từ lợi nhuận sau thuế năm 2013	<u>Số tiền</u>
	4.251.636.716
Cộng	<u>4.251.636.716</u>

Quỹ dự phòng tài chính tăng là do:

- Trích lập từ lợi nhuận sau thuế năm 2013	<u>Số tiền</u>
	551.625.993
Cộng	<u>551.625.993</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Quý dự phòng tài chính giảm là do:

	<u>Số tiền</u>
- Bù đắp thuế bị truy thu theo Biên bản thanh tra thuế năm 2011, 2012 và 2013	1.426.573.552
- Bù đắp thuế bị phạt theo Biên bản thanh tra thuế năm 2011, 2012 và 2013	144.172.060
- Bù đắp tiền phạt chậm nộp thuế theo Biên bản thanh tra thuế năm 2011, 2012 và 2013	376.264.638
Cộng	1.947.010.250

(c) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

<u>Cổ đông</u>	<u>Tổng số cổ phần</u>		<u>Số tiền</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
- Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	1.346.098	13.460.980.000	33,99%	
- Phạm Uyên Nguyên	512.255	5.122.550.000	12,94%	
- Các cổ đông khác	2.101.587	21.015.870.000	53,07%	
Cộng	3.959.940	39.599.400.000	100,00%	

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có
 Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

(d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	26.399.600.000	26.399.600.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	13.199.800.000	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	39.599.400.000	26.399.600.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.959.940.000	3.959.962.000

(e) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán trên cổ phiếu thường: chưa công bố

(f) Cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.959.940	2.639.960
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	3.959.940	2.639.960
▪ Cổ phiếu thường	3.959.940	2.639.960
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

25

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.959.940	2.639.960
▪ Cổ phiếu thường	3.959.940	2.639.960
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ
- Hàng hóa	124.456.984.930	109.329.877.080	15.127.107.850	12,15%
- Thành phẩm	218.594.594.803	113.741.062.745	104.853.532.058	47,97%
Cộng	343.051.579.733	223.070.939.825	119.980.639.908	34,97%

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Hàng bán bị trả lại – hàng hóa	11.226.189	116.295.619
- Hàng bán bị trả lại – thành phẩm	2.018.372.327	2.138.051.272
- Giảm giá hàng bán – hàng hóa	-	9.311.295
- Giảm giá hàng bán – thành phẩm	1.142.857	39.492.915
Cộng	2.030.741.373	2.303.151.101

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	341.413.218	180.509.188
- Cổ tức được chia	180.926.500	304.419.000
- Chiết khấu thanh toán	-	20.999.999
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.844.114	5.411.810
- Chi phí tài chính khác	2.791.317	-
Cộng	550.975.149	511.339.997

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	5.769.942.563	5.199.927.909
- Chiết khấu thanh toán	89.182.100	89.326.673
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	72.444.825	142.509.060
Cộng	5.931.569.488	5.431.763.642

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

26

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên bán hàng	8.808.313.080	16.086.083.398
- Chi phí vật liệu bao bì	799.556	544.626
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	117.758.956	81.471.922
- Chi phí khấu hao TSCĐ	167.654.232	130.036.960
- Chi phí hoa hồng, tiếp khách	16.458.006.311	10.955.966.204
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	766.590.796	586.767.992
- Chi phí bằng tiền khác	51.049.972.647	29.223.940.715
Cộng	<u>77.369.095.578</u>	<u>57.064.811.817</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	9.079.727.672	5.630.470.242
- Chi phí vật liệu quản lý	16.020.044	34.597.240
- Chi phí đồ dùng văn phòng	685.912.110	466.297.186
- Chi phí khấu hao TSCĐ	234.979.913	296.313.275
- Thuế, phí và lệ phí	854.030.442	760.127.191
- Chi phí dự phòng	104.075.000	212.935.750
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	601.904.983	712.180.355
- Chi phí bằng tiền khác	2.174.034.333	7.134.914.614
Cộng	<u>13.750.684.497</u>	<u>15.247.835.853</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu thanh lý vật tư, tài sản	38.950.692	10.850.000
- Xử lý tài sản thừa khi kiểm kê	229.856.796	-
- Thu cho thuê mặt bằng	82.373.790	36.170.337
- Thu chênh lệnh giá mặt hàng Triprolidine	121.530.272	-
- Các khoản thu nhập khác	31.523.008	19.279.201
Cộng	<u>504.234.558</u>	<u>66.299.538</u>

8. Phân phối lợi nhuận

Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2014	10.932.519.886
Phân phối trong năm 2014	10.932.519.866
- Trích quỹ đầu tư phát triển	4.251.636.716
- Trích quỹ dự phòng tài chính	551.625.993
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.169.317.157
- Chia cổ tức năm 2013	3.959.940.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2014	23.914.795.653
Điều chỉnh các khoản giảm thu nhập chịu thuế	180.926.500
- Cổ tức được chia	180.926.500
Điều chỉnh các khoản tăng thu nhập chịu thuế	11.406.032.425
- Phạt chậm nộp tờ khai thuế	700.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

27

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Chi phí khấu hao TSCĐ không có hóa đơn, chứng từ đúng quy định	3.422.447
- Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành Công ty	147.600.000
- Chi phí quảng cáo, tiếp tân, khuyến mãi... vượt mức khống chế	11.254.309.978
Lợi nhuận tính thuế năm tài chính 2014	35.139.901.578
Trong đó: - Lợi nhuận chịu thuế 20%	22.391.363.284
- Lợi nhuận chịu thuế 22%	12.748.538.294
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.282.951.081
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2014	16.631.844.572
Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2014	16.631.844.572

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** không có
Trong năm không có thay đổi lớn nào trong chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.
- Thông tin về các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư phải thu / (phải trả)
Công ty CP Dược phẩm 3/2	Cổ đồng	Mua hàng	8.371.733.991	(63.460.335)
Công ty CP Dược phẩm Tê Nam Y Dược	Cổ đồng	Mua hàng	1.833.992.270	(184.733.971)
		Bán hàng	3.395.526	-
Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	Cổ đồng	Mua hàng	26.764.537.459	(13.441.857.282)
		Bán hàng	15.080.185.260	805.996.275
Công ty CP XNK Y tế Domesco	Cổ đồng	Mua hàng	3.290.410.972	(387.208.626)
Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar	Cổ đồng	Mua hàng	145.241.176	(15.835.901)

- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):** Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán.
- Thông tin về hoạt động liên tục:** Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.
- Thay đổi chính sách kế toán:** Trong năm không có bất kỳ thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

28

517
HỊ N
CỒN
CH H
KIẾP
SA
KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu thường xuyên được theo dõi nợ và đơn đốc thanh toán. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản cho vay

Công ty không có cho các cá nhân hay tổ chức vay vốn.

9. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

NGƯỜI LẬP



DƯƠNG ÁNH NGỌC

Long Xuyên, ngày 02 tháng 02 năm 2015
KẾ TOÁN TRƯỞNG **GIÁM ĐỐC**



LÊ THÁI MINH TRANG



NGUYỄN VĂN KHA